CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA
Km 2132 - Quốc lộ 1 A - Phường 2 - TP Sóc Trăng - T.Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

Quý III năm 2008

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2008

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ *Đơn vị tính: VNĐ*

Stt	Nội dung	Số dư đầu năm	Số dư cuối kỳ
I.	**Tài sản ngắn hạn**	**279,387,544,774**	**350,087,313,160**
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	2,668,098,737	9,967,615,504
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	107,483,217,974	127,129,003,862
4	Hàng tồn kho	162,919,612,864	200,078,343,108
5	Tài sản ngắn hạn khác	6,316,615,199	12,912,350,686
II	**Tài sản dài hạn**	**103,773,138,064**	**115,594,733,467**
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	64,095,131,651	77,896,335,072
	- Tài sản cố định hữu hình	37,691,511,413	49,837,746,329
	- Tài sản cố định vô hình	1,063,306,973	1,066,678,123
	- Tài sản cố định thuê tài chính		
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	25,340,313,265	26,991,910,620
3	Bất động sản đầu tư		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	25,460,000,000	25,360,000,000
5	Tài sản dài hạn khác	14,218,006,413	12,338,398,395
III	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**	**383,160,682,838**	**465,682,046,627**
IV	**Nợ phải trả**	**220,215,797,164**	**315,908,031,812**
1	Nợ ngắn hạn	219,715,797,164	315,408,031,812
2	Nợ dài hạn	500,000,000	500,000,000
V	**Vốn chủ sở hữu**	**162,944,885,674**	**149,774,014,815**
1	Vốn chủ sở hữu	158,797,131,375	148,965,127,328
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	79,000,000,000	79,000,000,000
	- Thặng dư vốn cổ phần	34,200,000,000	34,200,000,000
	- Cổ phiếu quỹ	(175,370,000)	(4,663,837,185)
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đối		
	- Các quỹ	33,834,208,786	31,213,493,987
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	11,938,292,589	9,215,470,526
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB		
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	4,147,754,299	808,887,487
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	4,147,754,299	808,887,487
	- Nguồn kinh phí		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
VI	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**	**383,160,682,838**	**465,682,046,627**

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tính: VNĐ

Stt	Chỉ tiêu		Quý III/2008	Luỹ kế từ đầu năm 2008
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		335,282,959,961	694,320,679,272
2	Các khoản giảm trừ doanh thu			
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		335,282,959,961	694,320,679,272
4	Giá vốn hàng bán		307,422,687,205	637,712,243,534
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		27,860,272,756	56,608,435,738
6	Doanh thu hoạt động tài chính		2,319,337,547	7,681,518,430
7	Chi phí tài chính		10,013,742,548	18,786,250,141
8	Chi phí bán hàng		14,929,859,257	28,962,124,977
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp		2,261,337,766	7,544,445,708
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2,974,670,732	8,997,133,342
11	Thu nhập khác		171,152,619	342,612,948
12	Chi phí khác		0	28,000,000
13	Lợi nhuận khác		171,152,619	314,612,948
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3,145,823,351	9,311,746,290
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp		29,560,516	96,275,764
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		3,116,262,835	9,215,470,526
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		405	1,177

III. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

Chỉ tiêu	ĐVT	Quý III/2008	ỹ kế từ đầu năm 2008		
Cơ cấu tài sản	%				
- Tài sản cố định /Tổng tài sản		18.16	20.51	16.73	18.16
- Tài sản lưu động /Tổng tài sản		66.63	67.42	75.18	66.63
Cơ cấu nguồn vốn	%				
- Nợ phải trả /Tổng nguồn vốn		61.81	49.94	67.84	61.81
- Nguồn vốn chủ sở hữu/tổng tài sản		38.19	50.06	32.16	38.19
Khả năng thanh toán	Lần				
- Khả năng thanh toán nhanh		0.60	0.52	0.48	0.6
- Khả năng thanh toán hiện hành		1.08	1.35	1.11	1.08
Tỷ suất lợi nhuận	%				
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế /Tổng tài sản		2.25	1.03	2.00	2.25
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Doanh thu thuần		2.79	2.16	1.33	2.79
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Nguồn vốn chủ sở hữu		5.82	2.03	5.66	5.82

Sóc Trăng, ngày 17 tháng 10 năm 2008

LẬP BIỂU **KẾ TOÁN TRƯỞNG** **TỔNG GIÁM ĐỐC**

HỒ QUANG TRÍ **TÔ MINH CHẲNG**

BẢNG ĐC PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2007

Lợi nhuận trong năm 2007 được phân phối như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	TỈ LỆ	SỐ TIỀN
I/	**Tổng lợi nhuận thực hiện được:**		**27,771,212,672**
	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp		276,426,139
II/	**Lợi nhuận sau thuế:**		**27,494,786,533**
	Được phân phối như sau:		
1)	Quỹ dự phòng tài chính	5%	1,374,739,327
	Đã trích		1,374,699,697
	trích BS		39,630
2)	Quỹ đầu tư phát triển	30%	8,248,435,960
	Đã trích		10,145,195,155
	Giảm trừ vào Ln chưa PP		1,896,759,195
3)	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15%	4,124,217,980
	Đã trích		4,124,099,092
	Giảm trừ vào Ln chưa PP		118,888
4)	Cổ tức được phép chia		14,220,000,000
	(Được tính bằng 18% x vốn điều lệ)		
5)	Phần còn thiếu trừ vào quỹ DPTC		-472,606,734